

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Dự thảo ngày 20/3/2020

NGHỊ ĐỊNH**Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục,

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính; hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả; thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt theo từng chức danh, chức vụ đối với từng hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây viết tắt là tổ chức, cá nhân) thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này. Tổ chức là đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này, bao gồm:

a) Cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục thường xuyên; trường trung cấp và trường cao đẳng có đào tạo nhóm ngành giáo viên; cơ sở giáo dục đại học; viện hàn lâm và viện do Thủ tướng Chính phủ thành lập theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ được phép đào tạo

trình độ tiến sĩ;

b) Trường chuyên biệt và cơ sở giáo dục khác; văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam; phân hiệu của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam; cơ sở giáo dục thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và tổ chức là pháp nhân không phải cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng nhóm ngành giáo viên; đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học và tổ chức thực hiện dịch vụ gắn với hoạt động giáo dục thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là tổ chức thực hiện dịch vụ giáo dục);

d) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện liên kết đào tạo trình độ đại học.

2. Người có thẩm quyền lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính và cá nhân, tổ chức khác có liên quan.

3. Nghị định này không áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính khi đang thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao và cơ quan nhà nước thực hiện hành vi vi phạm thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao.

Điều 3. Mức phạt tiền

1. Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực giáo dục đối với cá nhân là 50.000.000 đồng, với tổ chức là 100.000.000 đồng.

2. Mức phạt tiền quy định tại Chương II của Nghị định này được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức, trừ mức phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 9, khoản 2 Điều 11, khoản 1 và các điểm a, b, c, d và e khoản 3 Điều 14, điểm d khoản 3 Điều 20, khoản 1 Điều 22, khoản 1 Điều 28 của Nghị định này là mức phạt tiền đối với cá nhân. Cùng một hành vi vi phạm, mức phạt tiền đối với cá nhân bằng một phần hai mức phạt tiền đối với tổ chức.

Điều 4. Biện pháp khắc phục hậu quả

Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính, hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục còn có thể bị áp dụng một hoặc một số biện pháp

khắc phục hậu quả sau:

1. Buộc giải thể cơ sở giáo dục, tổ chức thực hiện dịch vụ giáo dục.
2. Buộc hủy bỏ văn bản đã ban hành không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái pháp luật.
3. Buộc hủy bỏ sách, giáo trình, bài giảng, tài liệu, thiết bị dạy học.
4. Buộc tổ chức kiểm tra, đánh giá lại kết quả của người học.
5. Buộc bảo đảm quyền lợi của thí sinh đối với hành vi làm mất bài thi.
6. Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được.
7. Buộc trả lại hồ sơ, giấy tờ của người học.
8. Buộc trả lại số tiền đã thu và chịu mọi chi phí tổ chức trả lại; trường hợp không thể trả lại được thì nộp về ngân sách nhà nước số tiền do hành vi vi phạm mà có.
9. Buộc giảm số lượng tuyển sinh năm sau tối thiểu bằng số lượng đã tuyển vượt.
10. Buộc hủy bỏ phôi văn bằng, chứng chỉ.
11. Buộc huỷ bỏ văn bằng, chứng chỉ.
12. Buộc hủy bỏ bản sao văn bằng, chứng chỉ.
13. Buộc hủy bỏ kết quả công nhận đánh giá hoặc kết quả kiểm định chất lượng giáo dục.
14. Buộc nộp lại và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy tờ, văn bản đã cấp.
15. Buộc chuyển người học về địa điểm đã được cấp phép hoặc đăng ký hoạt động giáo dục.
16. Buộc bổ sung nội dung môn học hoặc chương trình đào tạo còn thiếu, tổ chức bảo vệ lại luận văn, luận án theo quy định.
17. Buộc đảm bảo điều kiện an toàn về cơ sở vật chất trường, lớp học.
18. Buộc hủy bỏ quyết định kỷ luật và khôi phục quyền học tập của người học.
19. Buộc công khai các khoản thu, chi tài chính.
20. Buộc thu hồi số tiền đã chi sai nộp vào ngân sách nhà nước.
21. Buộc bồi hoàn cho người học mọi chi phí đào tạo trong thời gian du học ở nước ngoài.
22. Buộc công khai đầy đủ các nội dung theo quy định.

Chương II
HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC XỬ PHẠT
VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Mục 1

**CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THÀNH LẬP; SÁP NHẬP, CHIA,
TÁCH, GIẢI THỂ; CHUYỂN ĐỔI LOẠI HÌNH CƠ SỞ GIÁO DỤC, TỔ
CHỨC THỰC HIỆN DỊCH VỤ GIÁO DỤC**

Điều 5. Vi phạm quy định về thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể; chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục hoặc thành lập tổ chức thực hiện dịch vụ giáo dục

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung:

a) Quyết định thành lập, quyết định cho phép thành lập; quyết định sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục;

b) Quyết định thành lập, quyết định cho phép thành lập, quyết định giải thể tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi thành lập hoặc cho phép thành lập; giải thể tổ chức thực hiện dịch vụ giáo dục khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc cho phép thành lập không đúng thẩm quyền.

3. Phạt tiền đối với hành vi thành lập hoặc cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể; chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc không đúng thẩm quyền theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập; từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ;

b) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;

c) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng sư phạm;

d) Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục đại học.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu quyết định thành lập, quyết định cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tịch thu quyết định thành lập, quyết định cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục không đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Tịch thu quyết định thành lập, quyết định cho phép thành lập tổ chức dịch vụ giáo dục không đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này sau khi đã thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc giải thể cơ sở giáo dục, tổ chức thực hiện dịch vụ giáo dục đối với hành vi thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục, tổ chức thực hiện dịch vụ giáo dục khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc không đúng thẩm quyền vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này;

b) Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

Điều 6. Vi phạm quy định về cho phép hoạt động giáo dục, đăng ký hoạt động nghề nghiệp, đăng ký hoặc công nhận thực hiện dịch vụ giáo dục

1. Phạt tiền đối với hành vi không đảm bảo một trong các điều kiện cho phép hoạt động giáo dục, đăng ký hoạt động nghề nghiệp, đăng ký hoặc công nhận tổ chức thực hiện dịch vụ giáo dục theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục mầm non;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, tổ chức thực hiện dịch vụ giáo dục;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường trung cấp, trường cao đẳng có đào tạo nhóm ngành giáo viên;

d) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục đại học; viện hàn lâm, viện được phép đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Phạt tiền đối với hành vi tổ chức hoạt động giáo dục hoặc thực hiện dịch vụ giáo dục ngoài địa điểm được cấp phép, đăng ký hoặc công nhận theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục mầm non;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, tổ chức thực hiện dịch vụ giáo dục;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với trường trung cấp, trường cao đẳng có đào tạo nhóm ngành giáo viên;

d) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục đại học; viện hàn lâm, viện được phép đào tạo trình độ tiến sĩ.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung trong quyết định cho phép hoạt động giáo dục hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoặc quyết định công nhận tổ chức thực hiện dịch vụ giáo dục hoặc quyết định công nhận hoạt động.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi gian lận để được cho phép hoạt động giáo dục; đăng ký hoạt động nghề nghiệp, đăng ký hoặc công nhận tổ chức thực hiện dịch vụ giáo dục.

5. Phạt tiền đối với hành vi tổ chức hoạt động giáo dục hoặc thực hiện dịch vụ giáo dục khi chưa được cho phép hoạt động, chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc chưa được công nhận hoạt động theo các mức phạt sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ;

b) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, tổ chức thực hiện dịch vụ giáo dục;

c) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với trường trung cấp, trường cao đẳng có đào tạo nhóm ngành giáo viên;

d) Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục đại học; viện hàn lâm, viện được phép đào tạo trình độ tiến sĩ.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động giáo dục hoặc thực hiện dịch vụ giáo dục từ 6 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tịch thu quyết định cho phép hoạt động giáo dục; giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoặc quyết định công nhận thực hiện tổ chức dịch vụ giáo dục đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này sau khi đã thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 7 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc chuyển người học về địa điểm đã được cấp phép hoặc đăng ký hoạt động giáo dục đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này;

c) Buộc nộp lại và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi quyết định cho phép hoạt động giáo dục, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nghề nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoặc quyết định công nhận tổ chức thực hiện dịch vụ giáo dục đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 7. Vi phạm quy định về tổ chức quản lý cơ sở giáo dục

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Công khai không đầy đủ các nội dung theo quy định;
- b) Thực hiện không đầy đủ hoặc đúng hạn báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định;
- c) Báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất có nội dung không chính xác;
- d) Cơ sở giáo dục sử dụng tên không đúng trong quyết định thành lập, quyết định cho phép thành lập;
- đ) Không thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học theo quy định.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Ban hành không đầy đủ văn bản thuộc trách nhiệm của cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật;
- b) Công khai không chính xác các nội dung theo quy định;
- c) Không thực hiện công khai theo quy định;
- d) Không thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định;
- đ) Không thực hiện gửi thông báo, quyết định của cơ sở giáo dục đại học đến Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

3. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi ban hành văn bản trái thẩm quyền hoặc văn bản có nội dung trái pháp luật.

4. Phạt tiền từ 35.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng đối với hành vi không tiến hành thành lập hội đồng trường của cơ sở giáo dục đại học theo quy định.

5. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ tuyển sinh từ 06 tháng đến 12

thắng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc công khai đầy đủ các nội dung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Buộc cải chính thông tin sai sự thật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

c) Buộc hủy bỏ văn bản đã ban hành không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái pháp luật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Mục 2

CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG TUYỂN SINH

Điều 8. Vi phạm quy định về tổ chức tuyển sinh

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thông báo tuyển sinh, công bố đề án tuyển sinh không đúng hoặc không đầy đủ thông tin theo quy định;

b) Thông báo tuyển sinh không đủ thời gian theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi công bố chỉ tiêu tuyển sinh vượt số lượng theo quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với ngành đào tạo có quy định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào;

b) Thực hiện tuyển sinh không đúng đề án tuyển sinh đã công bố.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức tuyển sinh đối với ngành, chuyên ngành hoặc chương trình giáo dục có yếu tố nước ngoài khi chưa được phép thực hiện.

5. Hình thức xử phạt bổ sung: Trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này sau khi đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 6 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 9. Vi phạm quy định về đối tượng tuyển sinh

1. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh sai đối tượng ở cấp trung học phổ thông theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai dưới 10 người học;

b) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 10 đến dưới 30 người học;

c) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 30 người học trở lên.

2. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng nhóm ngành giáo viên sai đối tượng theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai dưới 10 người học;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 10 đến dưới 30 người học;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 30 người học trở lên.

3. Xử phạt đối với hành vi tuyển sinh đào tạo trình độ trình độ đại học sai đối tượng theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai dưới 10 người học;

b) Từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 10 đến dưới 30 người học;

c) Từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 30 người học trở lên.

4. Xử phạt đối với hành vi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ sai đối tượng theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai đến dưới 5 người học;

b) Từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 5 đến dưới 10 người học;

c) Từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi tuyển sai từ 10 người học trở lên.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi khai man, **sửa chữa** giấy tờ trong hồ sơ tuyển sinh để được trúng tuyển.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy trình quy định trong quy chế tuyển sinh.

7. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ tuyển sinh 6 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy bỏ quyết định trúng tuyển; buộc trả lại cho người học số tiền đã thu và chịu mọi chi phí tổ chức trả lại đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này;

b) Buộc nộp lại quyết định trúng tuyển và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi quyết định trúng tuyển đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 10. Vi phạm quy định về chỉ tiêu tuyển sinh

1. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh để đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng nhóm ngành giáo viên vượt số lượng theo quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh như sau:

a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 5% đến dưới 10%;

b) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 10% đến dưới 15%;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 15% đến dưới 20%;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 20% trở lên.

2. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh để đào tạo trình độ đại học vượt số lượng theo quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 5% đến dưới 10%;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 10% đến dưới 15%;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 15% đến dưới 20%;

d) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 20% trở lên.

3. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh để đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ vượt số lượng theo quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 5% đến dưới 10%;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 10% đến dưới 15%;

c) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 15% đến dưới 20%;

d) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 20% trở lên.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc giảm số lượng tuyển sinh năm sau tối thiểu bằng số lượng đã tuyển vượt đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

Mục 3

CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH, ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG, LIÊN KẾT

Điều 11. Vi phạm quy định về thời lượng, nội dung, chương trình giáo dục

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không có đủ hồ sơ, sổ sách theo quy định hoặc không sử dụng thiết bị dạy học đã được trang bị theo quy định.

2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi không dạy đủ số tiết hoặc khối lượng học tập trong chương trình đào tạo của một học phần hoặc môn học theo các mức phạt sau đây:

a) Phạt cảnh cáo đối với vi phạm dưới 5 tiết;

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với vi phạm từ 5 tiết đến dưới 10 tiết;

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với vi phạm từ 10 tiết đến dưới 15 tiết;

d) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với vi phạm từ 15 tiết trở lên.

3. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi không bố trí dạy đủ số tiết hoặc khối lượng học tập trong chương trình đào tạo theo các mức phạt sau đây:

a) Phạt cảnh cáo đối với vi phạm dưới 5 tiết;

b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với vi phạm từ 5 tiết đến dưới 10 tiết;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với vi phạm từ 10 tiết đến dưới 15 tiết;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với vi phạm từ 15 tiết trở lên.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi không tổ chức bảo vệ luận văn, đồ án đã quy định trong chương trình giáo dục.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tổ chức đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ khi người học chưa hoàn thành chương trình học theo quy định;

b) Thành viên hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ không đúng quy định.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động giáo dục không đúng thời gian đào tạo hoặc hình thức đào tạo đối với chương trình giáo dục có yếu tố nước ngoài.

7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi giảng dạy chương trình giáo dục có yếu tố nước ngoài không đúng theo chương trình trong hồ sơ cấp phép;

8. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ đào tạo từ 6 đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bổ sung nội dung môn học hoặc chương trình đào tạo còn thiếu, tổ chức bảo vệ lại luận văn, luận án đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3, 4 và điểm a khoản 5 Điều này;

b) Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều này.

Điều 12. Vi phạm quy định về mở ngành, chuyên ngành đào tạo

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tự chủ mở ngành, chuyên ngành đào tạo không đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Tự chủ mở ngành, chuyên ngành đào tạo khi chưa đủ một trong các điều kiện theo quy định đối với một ngành, chuyên ngành;

b) Gian lận để được cho phép mở đối với một ngành, chuyên ngành đào tạo.

c) Không đảm bảo một trong các điều kiện để mở ngành, chuyên ngành đào tạo theo quy định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động đào tạo đối với ngành, chuyên ngành từ 12 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được do hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi quyết định cho phép mở ngành đào tạo đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 13. Vi phạm quy định về đào tạo liên thông, liên kết

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm các quy định về đào tạo liên thông theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo; không công khai hoặc công khai không đầy đủ các nội dung về đào tạo liên thông trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học theo quy định;

b) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tự chủ tổ chức đào tạo liên thông không đủ các điều kiện theo quy định.

2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về liên kết đào tạo theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi ký hợp đồng liên kết đào tạo không đầy đủ nội dung thông tin về đối tác liên kết, địa điểm tổ chức đào tạo, hình thức đào tạo, thời gian đào tạo, mức thu học phí, kinh phí đào tạo và trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo;

b) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo;

c) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi liên kết đào tạo cấp bằng chính quy;

d) Từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi liên kết đào tạo với đối tác không đúng quy định;

đ) Từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi liên kết đào tạo khi chưa có văn bản cho phép thực hiện liên kết đào tạo của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc tự chủ liên kết đào tạo khi chưa bảo đảm điều kiện theo quy định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động liên kết đào tạo từ 12 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1; hành vi tự chủ liên kết đào tạo khi chưa bảo đảm điều kiện theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc chuyển người học về địa điểm đã được cấp phép hoạt động giáo dục đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều này;

b) Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều này.

Mục 4

CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THI, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Điều 14. Vi phạm quy định về thi

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi gây rối hoặc đe dọa dùng vũ lực ngăn cản người dự thi và người tổ chức thi, thanh tra thi, coi thi, chấm thi, phục vụ thi.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi thông tin sai sự thật về kỳ thi.

3. Phạt tiền đối với các hành vi vi phạm quy chế thi theo các mức phạt sau đây:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi mang tài liệu, thông tin, vật dụng không được phép vào phòng thi, khu vực chấm thi;

b) Từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi làm bài hộ thí sinh hoặc trợ giúp thí sinh làm bài;

c) Từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi viết thêm hoặc sửa chữa nội dung bài thi hoặc sửa điểm bài thi trái quy định;

d) Từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi đánh tráo bài thi;

đ) Từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức chấm thi sai quy định;

e) Từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi thi thay hoặc thi kèm người khác hoặc nhờ người khác làm bài hộ hoặc thi thay, thi kèm.

4. Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với hành vi làm mất bài thi.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

b) Buộc bảo đảm quyền lợi của thí sinh đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 15. Vi phạm quy định về tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học không đúng quy chế theo các mức phạt sau đây:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với vi phạm ở cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với vi phạm ở trường trung cấp, trường cao đẳng có đào tạo nhóm ngành giáo viên;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với vi phạm ở cơ sở giáo dục đại học.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tổ chức kiểm tra, đánh giá lại kết quả của người học đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

Mục 5

**CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ TƯ VẤN DU HỌC;
HỢP TÁC, ĐẦU TƯ CỦA NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC**

Điều 16. Vi phạm quy định hoạt động tư vấn du học

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không công khai thông tin liên quan đến cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc tình trạng kiểm định hoặc công nhận chất lượng của cơ sở giáo dục nước ngoài cho người có nhu cầu đi du học;

b) Công khai không đúng sự thật về tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học; thông tin liên quan đến cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc tình trạng kiểm định hoặc công nhận chất lượng của cơ sở giáo dục nước ngoài cho người có nhu cầu đi du học;

c) Không đảm bảo theo quy định về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, nghiệp vụ đối với nhân viên tư vấn du học;

d) Không thực hiện báo cáo thường xuyên, báo cáo đột xuất theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê, cho mượn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tư vấn, đưa người đi du học đến các cơ sở giáo dục nước ngoài thực hiện chương trình giáo dục đại học, thạc sĩ, tiến sĩ chưa được kiểm định hoặc công nhận chất lượng tại nước sở tại;

b) Tư vấn, đưa người đi du học đến các cơ sở đào tạo khi chưa ký hợp đồng với cơ sở giáo dục nước ngoài;

c) Không ký hợp đồng tư vấn du học với người có nhu cầu đi du học hoặc cha, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp;

d) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học đối với người học đã tư vấn và đưa ra nước ngoài học tập.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tiếp tục tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trong thời gian bị đình chỉ dịch vụ tư vấn du học.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động tư vấn du học từ 3 tháng đến 6 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học từ 6 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cải chính thông tin sai sự thật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Buộc trả lại cho người học số tiền đã thu và chịu mọi chi phí tổ chức trả lại đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và điểm a, b khoản 3 Điều này;

d) Buộc bồi hoàn cho người học mọi chi phí đào tạo trong thời gian du học

ở nước ngoài đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

Điều 17. Vi phạm quy định về hoạt động của văn phòng đại diện tổ chức giáo dục nước ngoài tại Việt Nam

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với văn phòng đại diện tổ chức giáo dục nước ngoài tại Việt Nam khi hết hạn cho phép hoạt động mà vẫn hoạt động.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với văn phòng đại diện tổ chức giáo dục nước ngoài tại Việt Nam khi có một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Gian lận để được cho phép thành lập văn phòng đại diện;

b) Hoạt động sai chức năng quy định trong quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với văn phòng đại diện tổ chức giáo dục nước ngoài tại Việt Nam hoạt động khi chưa được cấp phép thành lập hoặc cấp phép hoạt động tại Việt Nam.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 18. Vi phạm quy định về thực hiện liên kết giáo dục, liên kết đào tạo với nước ngoài

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không đảm bảo một trong các điều kiện thực hiện liên kết giáo dục, liên kết đào tạo;

b) Gian lận để được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thực hiện liên kết giáo dục, liên kết đào tạo.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức giảng dạy chương trình liên kết giáo dục, liên kết đào tạo không đúng nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi liên kết giáo dục, liên kết đào tạo khi đã hết thời hạn quy định trong quyết định phê duyệt, quyết định gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết nhưng không được gia hạn, điều chỉnh.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Liên kết giáo dục hoặc liên kết đào tạo khi chưa có văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền;

b) Thực hiện tự chủ liên kết đào tạo khi chưa đáp ứng điều kiện theo quy định.

5. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động liên kết giáo dục, liên kết đào tạo từ 12 đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được đối với trường hợp đã tuyển trái phép vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 19. Vi phạm quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không đảm bảo một trong các điều kiện thực hiện liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài;

b) Gian lận để được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thực hiện liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài khi đã hết thời hạn quy định trong quyết định phê duyệt, quyết định gia hạn liên kết nhưng không được gia hạn.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi cấp chứng chỉ khi chưa có quyết định phê duyệt thực hiện liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài của cơ quan có thẩm quyền.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động liên kết từ 12 đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc trả lại kinh phí đã thu cho người dự thi và chịu mọi chi phí tổ chức trả lại; ; trường hợp không thể trả lại được thì nộp về ngân sách nhà nước số tiền do hành vi vi phạm mà có đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

Mục 6

**CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ
QUẢN LÝ, CẤP VÀ SỬ DỤNG VĂN BẰNG CHỨNG CHỈ**

Điều 20. Vi phạm quy định về cấp và quản lý văn bằng, chứng chỉ

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Không ban hành hoặc ban hành quy chế bảo quản, lưu giữ, sử dụng, cấp phát văn bằng, chứng chỉ nhưng không đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định;
- b) Không đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng chống cháy nổ để bảo quản văn bằng, chứng chỉ và hồ sơ theo quy định;
- c) Chỉnh sửa, cấp lại văn bằng chứng chỉ không đúng quy định về trình tự, thủ tục; về nội dung, về thẩm quyền, về thời hạn;
- d) Không thực hiện cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Cấp văn bằng, chứng chỉ hoặc bản sao văn bằng, chứng chỉ không đúng thời hạn quy định;
- b) Thu hồi, hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định;
- c) Không cấp hoặc cấp phụ lục văn bằng kèm theo văn bằng giáo dục đại học không đúng quy định;
- d) Không lập hoặc lập hồ sơ cấp phát, quản lý văn bằng, chứng chỉ không đầy đủ, không chính xác thông tin theo quy định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm về cấp văn bằng, chứng chỉ hoặc bản sao văn bằng, chứng chỉ sau đây:

- a) Cấp không đúng quy định;
- b) Cấp cho người học không đủ điều kiện;
- c) Cấp không đúng thẩm quyền;
- d) Gian lận để được cấp văn bằng, chứng chỉ.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý văn bằng, chứng chỉ.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ hoặc bản sao văn bằng, chứng chỉ đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;
- b) Buộc hủy bỏ quyết định chỉnh sửa văn bằng, chứng chỉ; văn bằng, chứng chỉ được cấp lại không đúng quy định về nội dung hoặc thẩm quyền quy định tại c khoản 1 Điều này.

Điều 21. Vi phạm quy định về in phôi và quản lý phôi văn bằng, chứng chỉ

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các

hành vi sau đây:

a) Không ban hành hoặc ban hành quy chế về quy trình in, quản lý việc in, bảo quản, bảo mật, sử dụng, cấp phát phôi văn bằng, chứng chỉ nhưng không đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định;

b) Không đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, an toàn, phòng chống cháy nổ trong việc in, bảo quản phôi văn bằng, chứng chỉ theo quy định;

c) Không lập hoặc lập hồ sơ quản lý việc in, cấp, sử dụng, thu hồi, hủy bỏ phôi văn bằng, chứng chỉ không đầy đủ, không chính xác thông tin theo quy định;

d) Không quy định việc lập số hiệu, các ký hiệu nhận dạng phôi văn bằng, chứng chỉ để phục vụ việc bảo mật, nhận dạng và chống làm giả phôi văn bằng, chứng chỉ;

đ) In phôi văn bằng, chứng chỉ có nội dung không đúng quy định;

e) Thực hiện việc hủy phôi văn bằng chứng chỉ không đúng quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hủy bỏ phôi văn bằng, chứng chỉ có nội dung không đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này.

Điều 22. Vi phạm quy định về sử dụng và công khai thông tin cấp văn bằng, chứng chỉ

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Sử dụng văn bằng, chứng chỉ của người khác;

b) Cho người khác sử dụng văn bằng, chứng chỉ của mình;

c) Sử dụng văn bằng chứng chỉ bị tẩy, xóa, sửa chữa.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Công khai không đầy đủ thông tin về cấp văn bằng, chứng chỉ trên trang thông tin điện tử của đơn vị;

b) Công khai không chính xác thông tin về cấp văn bằng, chứng chỉ trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không công khai thông tin về cấp văn bằng, chứng chỉ trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Buộc cải chính thông tin không chính xác đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Mục 7

CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO VÀ NGƯỜI HỌC

Điều 23. Vi phạm quy định về sử dụng nhà giáo

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng nhà giáo không đủ tiêu chuẩn ở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng nhà giáo không đủ tiêu chuẩn ở trường trung cấp, cao đẳng có đào tạo nhóm ngành giáo viên.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng nhà giáo không đủ tiêu chuẩn ở cơ sở giáo dục giáo dục đại học, viện hàn lâm và viện được phép đào tạo trình độ tiến sĩ.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng nhà giáo không đúng quy định về trình độ chuyên môn hoặc trình độ ngoại ngữ trong giảng dạy chương trình giáo dục, chương trình đào tạo liên kết với nước ngoài hoặc giảng dạy chương trình tại cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài; trong thực hiện liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ của nước ngoài.

Điều 24. Vi phạm quy định về bảo đảm tỷ lệ giáo viên, giảng viên cơ hữu trong các cơ sở giáo dục

Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về tỷ lệ giáo viên, giảng viên cơ hữu trên tổng số giáo viên, giảng viên trong cơ sở giáo dục theo các mức phạt cụ thể như sau:

1. Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm ở cơ sở giáo dục phổ thông công lập được giao quyền tự chủ về tổ chức và cơ sở giáo dục phổ thông công lập ngoài công lập.

2. Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm ở trường trung cấp, cao đẳng có đào tạo nhóm ngành giáo viên.

3. Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm ở cơ sở giáo dục đại học; viện hàn lâm, viện được phép đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 25. Vi phạm quy định về chính sách đối với nhà giáo hoặc hành vi

xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người lao động khác trong cơ sở giáo dục

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy định về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhà giáo.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người lao động khác trong cơ sở giáo dục.

Điều 26. Vi phạm quy định về quản lý hồ sơ người học

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Để xảy ra việc sửa chữa hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người học.

b) Lập hồ sơ quản lý người học không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi thu, giữ hồ sơ, giấy tờ của người học không đúng quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc trả lại hồ sơ, giấy tờ của người học đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Điều 27. Vi phạm quy định về kỷ luật người học, ngược đãi, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người học

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Kỷ luật người học không đúng quy định;

b) Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, ngược đãi, xâm phạm thân thể người học.

2. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ thực hiện nhiệm vụ từ 1 tháng đến 6 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hủy bỏ quyết định kỷ luật và khôi phục quyền học tập của người học đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Điều 28. Vi phạm quy định về phổ cập giáo dục

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi xúi giục không đi học hoặc xúi giục bỏ học đối với người học các cấp học phổ cập.

2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi cản trở việc đi học của người học các cấp học phổ cập.

Mục 8

CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ, TÀI CHÍNH VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Điều 29. Vi phạm quy định về mua sắm, tiếp nhận, sử dụng sách, giáo trình, bài giảng, tài liệu, thiết bị dạy học

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Mua sắm sách, giáo trình, bài giảng, tài liệu, thiết bị dạy học không đủ chủng loại, số lượng theo quy định;

b) Sử dụng sách, giáo trình, bài giảng, tài liệu, thiết bị dạy học không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi mua sắm, tiếp nhận, sử dụng sách, giáo trình, bài giảng, tài liệu, thiết bị dạy học có nội dung phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, chủ quyền biên giới, biển và đảo, lợi ích cộng đồng và hòa bình, an ninh thế giới; xuyên tạc chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xuyên tạc lịch sử; kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược; ảnh hưởng xấu đến văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục; truyền bá mê tín, truyền bá tôn giáo, hủ tục, tệ nạn xã hội.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hủy bỏ sách, giáo trình, bài giảng, tài liệu, thiết bị dạy học đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 30. Vi phạm quy định về thu, chi tài chính

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không công khai thu, chi tài chính theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thu các khoản không đúng quy định của cấp có thẩm quyền;

b) Chi không đúng quy định của cấp có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thu các khoản chưa có quy định của cấp có thẩm quyền;

a) Chi các khoản chưa có quy định của cấp có thẩm quyền.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc công khai các khoản thu, chi tài chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc trả lại số tiền đã thu và chịu mọi chi phí tổ chức trả lại; trường hợp không thể trả lại được thì nộp về ngân sách nhà nước số tiền do hành vi vi phạm mà có đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều này;

c) Buộc thu hồi số tiền đã chi sai nộp vào ngân sách nhà nước đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều này.

Điều 31. Vi phạm quy định về điều kiện bảo đảm chất lượng hoặc bảo đảm điều kiện an toàn về cơ sở vật chất trường, lớp học

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không đảm bảo điều kiện an toàn về cơ sở vật chất trường, lớp học.

2. Phạt tiền đối với hành vi không bảo đảm tỷ lệ người học trên giảng viên hoặc tỷ lệ diện tích sàn xây dựng trên người học cụ thể như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục có tỷ lệ người học trên giảng viên vượt từ 50% đến 100% định mức quy định hoặc tỷ lệ diện tích sàn xây dựng trên người học chỉ đạt từ 50% đến 90% định mức quy định;

b) Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục có tỷ lệ người học trên giảng viên vượt từ 100% định mức quy định trở lên hoặc tỷ lệ diện tích sàn xây dựng trên người học chỉ đạt dưới 50% định mức quy định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động tuyển sinh từ 12 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc đảm bảo các điều kiện an toàn về cơ sở vật chất trường, lớp học đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 32. Vi phạm quy định về kiểm định chất lượng giáo dục

1. Phạt tiền đối với cơ sở giáo dục vi phạm quy định về đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo không đúng trình tự, thủ tục;

b) Từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo không đúng thực tế.

2. Phạt tiền đối với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục vi phạm quy định như sau:

a) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không công khai các nội dung trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định; không thực hiện gửi báo cáo, giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục đến Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định;

b) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thành lập đoàn đánh giá ngoài không đúng quy định;

c) Từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục hoặc hoặc chương trình đào tạo không đúng trình tự, thủ tục;

d) Từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi công nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho cơ sở giáo dục khi không đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục từ 12 tháng đến 24 tháng đối với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy bỏ kết quả công nhận đánh giá hoặc kết quả kiểm định chất lượng giáo dục đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều này;

b) Buộc trả lại cơ sở giáo dục số tiền đã thu và chịu mọi chi phí tổ chức trả lại đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều này.

Chương III

THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN, THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC

Điều 33. Thẩm quyền lập biên bản đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục

1. Người có thẩm quyền lập biên bản quy định tại Điều này có quyền lập biên bản hành chính về những vi phạm hành chính thuộc phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao theo mẫu quy định và chịu trách nhiệm về việc lập biên bản.

2. Những người sau đây có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính:

a) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này khi đang thi hành công vụ;

b) Công chức khi đang thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh

vực giáo dục.

Điều 34. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm b Khoản này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa là 100.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 35. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra

1. Thanh tra viên đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại điểm b khoản này.

2. Chánh Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm b Khoản này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp Sở có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa là 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

4. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp Bộ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại Điểm b Khoản này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

5. Chánh Thanh tra Bộ, cơ quan ngang Bộ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa là 100.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 36. Thẩm quyền xử phạt của Giám đốc Công an cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh

1. Giám đốc Công an cấp tỉnh có thẩm quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- đ) Quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất;
- e) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh có thẩm quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến mức tối đa là 100.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;
- đ) Quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất;
- e) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 37. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

Căn cứ quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 34, Điều 35, Điều 36 của Nghị định này, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục xem xét, thực hiện việc xử phạt theo quy định.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng....năm 20.... và thay thế Nghị định số 138/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

Điều 39. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng quy định tại Nghị định số 138/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục để xử lý.

Trường hợp các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong Nghị định này có lợi cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính thì áp dụng các quy định của Nghị định này để xử lý.

2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 138/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục để giải quyết.

Điều 40. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, PL (3b). KN

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG